

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 03-6-2021
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hải Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thiệu Hoàng Mới
2. Bà Nguyễn Thị Tú Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà: Nguyễn Thị Dương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đặng Xuân Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 24/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2021/QĐXX-ST ngày 19 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1991.

Địa chỉ HKTT: ấp xx, xã T, huyện K, tỉnh S.

Địa chỉ hiện nay: số xxxx, đường N, phường T, Quận B, Thành phố H.

2. Bị đơn: Anh Lê Thành S, sinh năm 1991.

Địa chỉ HKTT: ấp xx, xã T, huyện K, tỉnh S.

(Chị L có đơn xin vắng mặt; anh S vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thùy L có đơn xin vắng mặt.

Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thùy L trình bày:

Chị Nguyễn Thị Thùy L và anh Lê Thành S có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trinh Phú, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng vào năm 2016. Quan hệ vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Chị L và anh S đã ly thân từ tháng 5/2020 cho đến nay.

Về con chung: Chị L và anh S có 01 con chung tên là Lê Nguyễn Phúc L1, sinh ngày 16/11/2015, hiện đang ở cùng với anh S.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Nay chị L yêu cầu được ly hôn với anh Lê Thành S.

Chị L đồng ý giao con chung tên là Lê Nguyễn Phúc L1, sinh ngày 16/11/2015 cho anh Lê Thành S nuôi dưỡng, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Lê Thành S (vắng mặt)

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng phát biểu:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và tư cách của người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo các tài liệu thể hiện trong hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm Đại diện Viện kiểm sát nhận thấy quan hệ vợ chồng giữa chị L và anh S đã mâu thuẫn trầm trọng. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L.

Về con chung: Do con chung tên là Lê Nguyễn Phúc L1, sinh ngày 16/11/2015 hiện nay đang ở cùng với anh S và cũng phù hợp với ý kiến của chị L, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của chị L, giao con chung tên là Lê Nguyễn Phúc L1, sinh ngày 16/11/2015 cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên Tòa, do chị L không có ý kiến tự nguyện cấp dưỡng nuôi con và anh S cũng không có yêu cầu gì nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung do đương sự khai không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí: đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên Tòa, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai những vắng mặt không rõ lý do và cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đồng thời bị đơn không có yêu cầu phản tố. Xét thấy, Tòa án nhân dân huyện Kế Sách đã tiến hành các thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng cho nguyên đơn và bị đơn đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Cho nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ và đúng với quy định tại khoản 2, Điều 227 và khoản 1, khoản 3, Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã thật sự tan vỡ, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Bởi lẽ, bị đơn nhiều lần cố tình vắng mặt, chứng tỏ bị đơn không có ý định mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với nguyên đơn. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cương quyết yêu cầu ly hôn với bị đơn và cũng xác định không còn tình cảm gì với bị đơn nữa. Vì vậy, đã đủ cơ sở để xác định cuộc sống vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, nguyên đơn yêu cầu ly hôn bị đơn là có căn cứ và chính đáng, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: theo lời khai của nguyên đơn cũng như các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung tên là Lê Nguyễn Phúc L1, sinh ngày 16/11/2015, hiện đang ở cùng với bị đơn. Xét thấy, để tránh những xáo trộn trong đời sống, tâm sinh lý, gây ra những ảnh hưởng không tốt đến việc phát triển bình thường của con chung và cũng phù hợp với ý kiến tự nguyện giao con cho bị đơn tiếp tục nuôi dưỡng của nguyên đơn trong Bản tự khai ngày 08/02/2021 và Đơn xin vắng mặt ngày 12/5/2021. Cho nên, Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến này của nguyên đơn, tiếp tục giao con chung tên là Lê Nguyễn Phúc L1, sinh ngày 16/11/2015 cho bị đơn nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do nguyên đơn không có ý kiến tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử phải đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Do nguyên đơn khai không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[6] Về án phí HNST: Nguyên đơn phải chịu án phí HNST.

[7] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2, Điều 227, khoản 1, khoản 3, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thùy L và anh Lê Thành S.

2. Về con chung: Giao con chung tên là Lê Nguyễn Phúc L1, sinh ngày 16/11/2015 cho anh Lê Thành S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Chị Nguyễn Thị Thùy L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Thùy L không phải cấp dưỡng nuôi con chung tên là Lê Nguyễn Phúc L1, sinh ngày 16/11/2015 do anh Lê Thành S không có yêu cầu.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Do chị Nguyễn Thị Thùy L khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

5. Về án phí, chi phí tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thùy L phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân sơ thẩm. Chị L đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008781 ngày 21/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách không phải nộp tiếp.

6. Án xử công khai, chị Nguyễn Thị Thùy L không có mặt tại phiên Tòa và cũng không có mặt khi tuyên án do có đơn xin vắng mặt.

Anh Lê Thành S không có mặt tại phiên Tòa và cũng không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Đối với trường hợp đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện đã tham gia phiên Tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- CCTHADS huyện Kế Sách;
- UBND xã (thị trấn) cấp giấy CNKH
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Phạm Hải Duy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hải Duy

